

Số:49/2020/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 14 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải tHnh ngày 06 tháng 4 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2002/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải tHnh về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản Ho giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958

2/ Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: 1/ Anh Kiên Bửu P, sinh năm 1975

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: ấp B, xã X, huyện T, tỉnh Tiền Giang

2/ Chị Tổng Thị Thu H, sinh năm 1990

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp I, xã A, huyện K, tỉnh Trà Vinh

Cùng địa chỉ tạm trú: ấp L, xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Kiên Bửu P và chị Tổng Thị Thu H có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Bé T số tiền vốn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đến khi thi Hnh án xong anh Kiên Bửu P và chị Tổng Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 13%/năm.

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: 5.000.000đ (năm triệu đồng), nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mỗi bên nộp $\frac{1}{2}$ án phí, cụ thể:

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Bé T nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng ông B và bà Bé T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông B, bà Bé T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Kiên Bửu P và chị Tống Thị Thu H nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong